

NĂM THỨ HAI - SỐ 44 ĐUỐC-TUỆ 13 Octobre 1936

PHẬT-GIÁO HỘI

ASSOCIATION BOUDDHIQUE

000

ĐUỐC-TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quán Sứ phố Richaud, Hanoi

慧 燦 報

Chủ nhiệm
NGUYỄN-NANG-QUOC
Chánh hội trưởng
hội Phật Giáo
Quản lý
CUNG DINH-BINH

Chánh chủ bút
PHAN TRUNG-THU
Sư cụ chùa Bằng-Sở
Phó chủ bút
DUONG-VAN HIEN
Sư cụ chùa Tế-Cát



GIÁ BÁO:

CẢ NĂM: 1\$00 - NỬA NĂM: 0\$50 - MỖI SỐ: 0\$03

QUÍ DANH CÁC VỊ CÚNG TIỀN
GIÚP DÂN BỊ LỤT

Chi Hội Phật giáo địa phương Hải-yến . . .	3\$00
Chi Hội Phật giáo địa phương Cảnh-diều . . .	5 00
Chi Hội Phật giáo địa phương Phúc-chính . . .	10 00
Chi Hội Phật giáo địa phương Thường-tín . . .	13. 80
Chi Hội Phật-giáo địa phương Khoái-châu . . .	4 20
Chi Hội Phật giáo địa phương Yên-mỹ . . .	8 50
Cộng	<u>44\$50</u>

CHI HỘI CHÙA BÁCH-LỘC SƠN-TÂY THÀNH-LẬP

Ngày 19 tháng 8 ta, tức là ngày 4 Octobre vừa rồi, chi hội Phật-giáo ở chùa Bách-lộc Sơn-Tây đã thành-lập. Có quan Hiệp-tá tri sĩ Nguyễn-văn-Bản là chánh đại-lý ở tỉnh bộ Sơn Tây về chủ-tọa lễ khánh - thành ấy. Hồi 9 giờ. Các vị sư Thượng-tọa cùng các hội-viện hội Phật giáo Trung-ương Hanoi lên tới nơi. đến hồi 10 giờ, quan Tuần-phủ Sơn tây Nguyễn-văn Khúc cùng các quan phủ huyện gần đó đều đến dự lễ.

Khi các quan yện vị, viên chánh-hội làng Bách-Lộc đứng đọc chúc-từ Ông Lê-Dư thay mặt ban trung-ương, đứng nói mấy câu Kể đến quan Tuần-phủ đứng nói, tỏ ý mừng cho chi-hội mới thành-lập và ngài có giảng mấy câu về giáo-lý nhà Phật. Quan Tuần-phủ nói xong, thì ban đồng-nữ ở tỉnh-bộ Sơn-Tây vào hát bài khánh-chúc.

Việc tổ chức chi-hội Phật-giáo ở Bách - Lộc được vui vẻ, là nhờ có quan Huyện Thạch-Thất Phạm-trung-Ngạn đứng chủ trương và quan Huyện Thụy-anh Vũ như Trác là người làng Kỳ-úc sở tại mà ngài vốn sẵn lòng giúp cho việc Trấn-hưng Phát-giáo.

PHẬT HÓA SANG TÂY

佛化西行
(tiếp theo số 43)

NẾ TẶNG : (nguyên văn cổ phạm)

Tặng kinh bằng chữ phạm ở Néballe vẫn còn phần phủ, làm, lược chia làm 7 Đại bộ sau này :

- 1) Bát-nhã bộ 7 thứ,
- 2) Hoa-nghiêm bộ 3 thứ,
- 3) Phương-quảng bộ 10 thứ,
- 4) Bảo tích bộ 3 thứ,
- 5) Bi-mật bộ 23 thứ,
- 6) Thánh hiền trước tác 8 thứ.

Sáu bộ kể trên Tàu có bản dịch cả rồi.

7) Lối luận sơ 3 bộ, lối kỹ thuật 1 bộ, lối nghi quỹ 2 bộ. Lối lạ loại có cả giáo lý, tinh văn và tự vựng, nước Tàu chưa có mà dịch.

PHẦN TẶNG : (chữ của Thổ phần)

Phật-giáo tự Tây-ực truyền đến nước Thổ-phần, so vào sử Tàu từ đời Lục-triều, truyền 30 đời vua nước ấy, đến vua Địch nặc-đức-lô-long tán, nước đương thịnh lắm, ngang đời vua Đường Thái tông, đã thông-hôn kết-hữu với Tàu, lại sai đại thần là Đoàn-mỹ tam-bồ - đề sang học bên Ấn độ, dùng chữ mẫu phạm văn, bắt chước các lối văn đặt riêng ra một lối văn tự, để phiên dịch kinh điển, cho nên dịch được nhiều lắm, nhiều hơn cả của Tàu, vì văn tự cũng bởi một nguồn nên dịch rất chóng. Nay thì nước mất kinh còn, lược chia làm hai đại bộ :

1) là Cam-thù nữ : 100 hòm chia làm 7 đại bộ :

(甲) Luật bộ 13 hòm, cộng hơn 600 quyển.

(丁) Bát nhã bộ 21 hòm, cộng vài trăm quyển, trong đó toàn bộ đại bát nhã cũng như Tàu dịch và các kinh tiểu bát nhã, xưa lâu dịch ở đây ra nữa.

(丙) Hoa nghiêm bộ 6 hòm, gồm 45 phẩm, nội dung cũng đúng như của Tàu dịch.

(丁) Bảo tích bộ 6 hòm, phẩm mục khác với tàu dịch nhưng nội dung cũng đúng như nhau.

(戊) Kinh tập 30 hòm, hơn 270 bộ, có cả các kinh thuộc về Tiểu thừa.

(巳) Đại bát nhã bộ 2 hòm, phần dưới dịch kỹ hơn của Tàu.

(庚) Bi mật bộ 22 hòm, 289 bộ.

2) là đan thư nữa : lược chia làm ba bộ :

(甲) tán ca tập 58 bộ, toàn những sách lễ tán như pháp bờ tát và thần thánh.

Bi mật nghi quỹ 266 thứ, toàn chép những phép bi mật và khuôn phép của đời sau.

(乙) Luận thích tập, nhiều lối sơ thích về kinh Đại-thặng, ở Tàu không có cả, lại thi luật, tu-từ-học, văn-pháp, từ-vựng, âm-nhạc, toán-số, y-học, thiên văn-học, tạo tượng pháp, nhân minh và các sách khác rất là phong phú.

Những kinh điển Tây-tạng mới xuất bản từ đời Minh-Thanh (tàu), mà các đại-đồ thư-quán của Anh, Pháp và Nga đều có đủ lâu rồi. Hồi loạn nước Tàu năm 1927 (năm Thành - thái 12) người Đức vớ được vài bộ kinh viết ở Bắc - kinh. Nhà vua Nhật - bản, trường đại-học chùa Đông-bản-nguyên đều được toàn bộ. Mới rồi tông Tào-dộng cũng được một tạng.

TI TẶNG (Tibe)

Tây-tạng từ xưa vẫn giữ chủ nghĩa đóng cửa, không cho người ngoài quan-sát, nhưng người Âu dò xét cũng

riết, ai biết tí gì đều đưa phôi tở ra báo chương ngay, nên thế giới ngày nay được thấy cũng nhiều. Nhưng hành tích rất kỳ và trước-tác rất rộng thì nhất là ông Giác - ma. Ông là người Hung - gia - lý, sinh năm 2828 (năm rớt đời Tây sơn). Gia thế ông làm võ chức, Ông 18 tuổi du học bên Đức, xem sử tàu biết giống Hung-gia-ly là giống giõi Hung nô, mới cố chí thăm dò cổ-quốc, trước nghiên cứu các môn ngữ học phương Đông, đến năm 2847 (Minh-mệnh nguyên niên) ông cầu trang giả dạng người Mỹ, một mình lủi thủi, đã không có bạn, lại chả có lương, may gặp thương đội của Mỹ đưa ông đến Bồ-cáp-lạp. ông ở đó 2 năm, rồi lại đi Cao phụ, dần vào Ấn-độ, ở Lạp-hạ-nhĩ lại đến Ca-minh-di-la, gặp phái viên của chính phủ Ấn-độ là Mạc khắc luân mượn được bộ Tây tạng ngữ-vựng, nhân học tiếng Tây-tạng. Năm 2821 (năm Minh mệnh thứ 5) vượt hiềm đến Lạp-đạt khắc, ở chốn nhà quê, học một vị tăng của giáo Lạt-ma, cố công về văn học Phật giáo. Sau du lịch khắp xứ tây nước Tây tạng, lại sang dặt tây mẫu-lạp của Ấn-độ, đầu rừ, mặt cáu, rách rưới lang thang, những vật tùy thân, chỉ có vài quyển sách mà thôi, người ta mới trông thấy ông, ai cũng cho ông là người thái cổ. Năm sau ông đến Giáp cốc đá, các học sĩ trong học giới hoan nghênh ông lắm; mà nhất là 2 nhà thực-học : 1 là ông Vi-nhĩ-tôn, 2 là ông Thồ-hình-trại phụ càng tôn kính lắm, quý trọng ông như thầy mình. Ông cảm tình tri-ngộ, ở đấy đến 10 năm, kéo hết tơ lòng, làm ra được nhiều sách lắm. Năm 2861 (năm Minh mệnh thứ 15) xuất bản bộ Tây tạng văn pháp, năm sau xuất bản bộ Tạng Anh tự vựng, toàn là sách để cho người học về Tây tạng phải cần dùng. Sau ông đến nhà tạp chí Á tế á, chuyên làm văn luận Phật giáo, phạm 4 loại : 1 phần tạng để giải, 2 Thích tôn chuyện kỳ, 3 phần - tạng cam-thù-nhi lục đại bộ để giải, 4 phần tạng đan thù nhĩ loạt yếu, quảng bác tích thám, không ai làm kịp. Năm 2869 (năm Thiệu

trị thứ hai) ông lại đến tây tạng lần thứ 2, để yết kiến vị hoạt phật Đạt Lôi, di đờng bị bệnh sốt nóng, đương trong thông tư ta ông chết ở Đại cát lĩnh.

HÁN TẶNG

Trong khoảng đời Hàm phong nhà Thanh bên tàu (đời Tự - đức) ông Ngái - đặc - cầu người Aah ở Hương-cảng nổi tiếng về hán học chuyên làm luận về Phật giáo và có làm bài giảng gọi là Phật-giáo-tam-giảng-lục. Lại có ông Ngái - dịch - Cầu làm sách Chi - na - phật - giáo và Thích-giáo-chính-mẫu, ý của họ muốn công-kích phật giáo để truyền giáo của họ, mà kết quả lại hóa ra dục cho lòng người Âu chú ý về phật-giáo. Vì thời ấy kinh tạng ba-lị mới xuất bản, rồi các kinh phạm văn của Tây-tạng và Néballe cũng phát hiện dần, người Âu đã biết mùi mà đương khát mệ về kinh tạng chữ Hán nữa. Bộ Ấn-độ của người Anh năm 2898 (năm tự-đức 24) thông với chính-phủ Tàu thỉnh bộ tam-tạng, Tàu lấy làm ngoại-giao trở ngại, chưa chịu nhận nhời. Gặp ngay thời kỳ Nhật bản duy-tân, Tàu cử quan Đại thần sang Nhật quan sát, và sang luôn cả Âu Mỹ để tỏ tinh thần thiện, nghe tin các nước yêu cầu, liền đưa hết thầy toàn tạng gửi tặng, vì đó người Âu mới được cái cơ sở to rộng của phật học Đông-phương. Năm 2810 (năm tự-đức 36) ông Nam điều-Văn-Hùng học ở Kiếm kiều (đất Ấn độ) có dịch mục lục kinh điển và sách tham chiếu chỉ-nguyên-pháp-bảo-khám-đồng-lục, rồi lại chép cả các thời kỳ dịch kinh và các chuyện kỳ của thuyề gia nữa, nay người Âu lấy làm của quý.

TÂY TẶNG gồm cả cỏ vật của Tây-vực)

Tây tức Tây-vực gồm có nhiều nước như Cao-xương, An tức, Vu diên và Đại nhục-chi v.v.. địa vị ở về phía tây nước Tàu, nay tức là toàn khu Thông lĩnh hợp với Tây vực thuộc Nga và Ba-lí v.v.. Xứ ấy luy không phải là

nguyên-nhiên phật giáo nhưng hấp thụ phật hóa dần từ đời vua A dục truyền sang là trước cả nước Tàu. Đời xưa vẫn có các cao tăng sang truyền giáo và dịch kinh cho nước Tàu nhiều lắm, thì đủ biết phật giáo ngày xưa đã là điềm giảng sớ cho Tây vực rục rờ là đường nào. Từ đời Tùy Đường (tàu về sau bên Arabie nảy ra Hồi giáo; giáo ấy họ chuyên dùng binh lực bức ép các giáo ngoài, mà vị trí xư ất ở ngay vào nơi binh mã đương xung, cho nên nước mất dân lầm, thì dầu kinh văn phồn phú, chùa tháp nghiêm trang đến đâu cũng vùi dập ở trong chốn cỏ hoang nhang lạnh vậy. Cai tình cảnh của Tây vực xưa đã như thế, mà người Âu thì vẫn chữa ai hay. Mới từ năm phật lịch 2918 năm thành-thái thứ 3 có quan kỹ binh đại úy nước Anh tên là Ba nhai nhón sang chơi tay tọng, qua đất Khố s, bỗng nhặt được kinh văn bằng chữ phạn viết bìa vỏ gỗ hoa (hoa bì) nhìn kỹ mới biết là kinh « Không tướ vương » thuộc « Bi mật bộ » nói về phép làm thuốc phép trị chủ và phép khám nghiệm, đều là Tàu chưa dịch được, và vớ ợ tự lại là bản chữ viết tốt cỡ của hoàn cầu. Năm sau ông Dực lan (Pháp) lại được mảnh sách nát của kinh Piáp cú ở Vu-diễn, mà chữ thì là chữ khư tư, cũng viết vào bìa vỏ hoa (hoa bì) Từ đó về sau người Âu lại mua được làm uliêng tờ kinh rời vụn ở các tay người thổ. Ông ti đặc-la (Nga cũng hay lfielci cỡ, khi làm lli sự ở Bắclli-thập-rát-nli, trông thấy kinh văn rời rạc cũng nhiều, ông sợ cỡ kinh mất hết, liền cố tâm mua nhặt đưa về chứa ở nhà Bảo-làng Bắ-dắc-bảo. Quan đại biểu nước Anli là Mã đại đồ, khi được cử sang Bắclli-thập-rát-nli ông đồng ý với người nga, cố tâm sưu tập những vật cỡ ở trung-á (khu vực thông liuli) trong 3, 4 năm được vô số những bản kinh cỡ đã nát, trong học-giới Âu-châu thấy đều động lòng hâm mộ. Lại có một ông Đại-gia-khảo-cổ-học là Ti-dan-anh (Anh) năm phật - lịch 2926 từ Ấn - độ đi bộ sang Tây - vực, hơn một năm mới đến Vu diễn, ngắm xem địa-thế, khởi đại

công trình đào tìm cổ-vật, được nhiều tượng phật, tranh phật, kinh phật, nhạc khí, đồ dùng và tiền cổ nữa. Khuôn đất thành đồng cao to như núi. Ông chọn những thức quý báu đưa về bày trong hội học Đông-dương kỷ hồi thứ 13 ở Hán-cáo, người xem ai cũng than thở ngợi khen. Khi trước hội học Đông dương mở ở La-mã (Ý) ủy-viên nước Nga tên là La-dức-luân đã xướng nghị việc đào xới Trung á, tìm lấy cổ vật, mới đặt cơ quan nghiên cứu ở Bỉ đặc bảo, chưa kịp cử hành thì gặp ngay khi ông Cồ hức-đặc cùng với ông Khoa ông Khắc đi thám hiểm từ Cao xương về đến Bá làm, là bày ý kiến ở tòa văn-bộ, được một món tiền to trợ cấp, lòn Đức hoàng làm hội-trưởng. Năm 1933 (Thành-thái 18) đi đến Cao xương đào tìm của quý, được nhiều kinh phật, tượng phật và tranh phật, chẳng kém chi ở Vu-diền, có một bức tranh lạ, vẽ ở giữa một vị cao-tăng ngồi tòa sư tử (tức là tượng đức thích-ca) thuyết pháp, các tăng khác ở dưới, tay cầm kinh sách ra vẻ lặng im nghe pháp, ngấm kỹ hình dung có người mắt xanh, có người da đen có người đỏ và sạm, có người hình trắng và tươi, không biết đó là giống người ở xứ ấy phức-tạp như thế, hay là 4 hạng người ở Ấn độ chăng?

Hợp cả những kinh ở 2 nơi đào thấy kể ra sau này :

1° TIỂU THẶNG

(Giáp) : Trường A-hàm, 1) A chuân na trí 阿朧那智 2) Đại-hợp-tập Kinh, 大合集經 3) Tùy dũng tôn giả Kinh 隨勇尊者經.

(Ất) Trung a-hàm : Ưu-bà-lị Kinh 優婆利經

(Binh) Tạp a hàm. 1) Nguyệt-dụ Kinh 月喻經, 2) Từ-tâm Kinh 慈心經 3) Tân tuế Kinh 新歲經

(Đinh) Tiểu bộ Kinh tạng: 1) Vài lá Kinh Pháp cú 法句

(Mậu)

1) 2 lá luật

2° ĐẠI-THĂNG

(Giáp) Bát nhã: 1) Đại-phẩm bát nhã 大品般若 2) Kim cương bát nhã, 金剛 -

(Ất) Phương đẳng: 1) Chứng Dịch, 眾腋 2) Đại-niết bàn 大涅槃 3) Thành dụ 城喻 4) Pháp-hoa vài lá 5) Nhập Phật cảnh-giới 入佛境界 30 lá, 6) Anh vô Trưởng giả 鸞鷦長者 7) Kim-quang minh 金光明.

(Bính) Đại tỳ-hồ: 1) Nguyệt-tạng-phận 月藏分 2) Đảo-trông 寶幢 3) Nhật tạng phận 日 - 分 4) Hiền hộ phận 賢護分

(Đinh) Bí mật: 1) Vô lượng môn Đà la ni 無量門陀羅尼 2) Đại bạch tân cái chú. 大白傘遮咒

(Mậu) Tấn ca: 1) Ma hí li thế da 摩哩利勢多 (150 bài kệ tán phật) 2) đồng 同 (400 bài kệ tán Phật)

Ông Ti-dan-Anh (nhà đại khảo cổ học) chủ những một lần ấy thành công như thế mà thôi. trong khoảng mấy năm sau, ông càng dò xét riết lắm, ông đi tìm hầu khắp cõi Tây-bực. sau không phải đào khó nhọc mà được lại nhiều hơn 2 xữ trên kia, lúc là việc tìm thấy động Thiên-phật ở Đôn-hoàng vậy. Động Thiên-phật ở bên núi Minh-xa cách Đôn-hoàng 50 dặm ở về mé đông nam, năm 1935 (năm Duy-lân thứ 2) ông du lịch đến đó, nghe tin trong động có nhiều kinh cở, ông đến tận nơi, chơi với một vị đạo sĩ họ Vương, (người giữ động ấy) sớm khuya tìn-tịn, mua được 29 hòm, toàn những kinh cở và tranh cở, soát những quyển kinh đều toàn bộ cả, nào là chữ phạn, chữ hán, chữ kờ hột, chữ tây-tạng, có bản giấy in, có bản giấy viết, có bản lá bối, có bản chữ thêu. cộng tới hơn một vạn quyển, lại có những tranh Phật rất tinh thần. ở đời khó mà mua được, thực là của báu vô giá ở nhân-gian

đỏ, năm sau ông lái về Luân-đôn, (Anh). Ông Bá-hi-Hòa (Pháp) nghe tin cũng vội vàng đến nơi động ý, mua được 9000 quyển, đưa về Ba-Lê. Sau chính phủ Tàu cũng sai 1 hải viên đến mua, chỉ được vài hòm. nay để ở Đồ Thư-quán Bắc kinh

KINH ĐIỀN ĐẠI-THẶNG CỦA NGƯỜI ÁU DỊCH

Nay người Áu với kinh điển đại-thặng, đều chưa hoàn-bị như Tiều-thặng, nhưng hoặc sưu tập, hoặc phiên dịch k hủo cứu, càng ngày càng lên bộ nhân sĩ, đây hãy nói qua những kinh đã xuất-bán từ trước khi Áu chiến (hồi 1914 1918) như sau này:

KINH DỊCH RA ANH VĂN

- 1) Kim cương chân luận,
- 2) Pháp hoa kinh
- 3) Đại trang nghiêm kinh
- 4) Bát thiên tụng bát nhã
- 5) Phạm võng giới kinh
- 6) Quán vô lượng thọ kinh
- 7) Mã minh phật sở hành tán
- 8) Đại vô lượng thọ kinh
- 9) A di đà kinh
- 10) Tâm kinh
- 11) Tôn thặng la ni
- 12) Duy ma cát kinh
- 13) Khởi tín luận
- 14) Bản sinh man kinh
- 15) Du đà luận bồ tát địa.

KINH DỊCH RA PHÁP VĂN

- 1) Pháp hoa Kinh
- 2) Kim cương-chân luận
- 3) Soạn-tập-bách duyên Kinh,
- 4) Bát-nhã kinh
- 5) Vô trước đại-trang nghiêm luận

KINH DỊCH RA ĐỨC VẤN

1) Kim cương chân luận. 2) Tu ma nữ Kinh

3) Long thụ Tung luận.

Các chuyện kỳ cổ-đức của Tàu, người Âu rất là quý hóa, vì họ thấy các nước Tây-vực, hoặc không có văn tự, hoặc có mà không hay ghi chép. Về dấu biển đời, văn hiến chẳng đủ chừng, dấu thanh danh văn vật, học thuật chói chang như nước Ấn-độ, vẫn là hơn cả nước Tàu, mà quốc-sử không có, cổ tích mơ-hồ, nhờ có các chuyện kỳ của chư sư, thì mới rạng tỏ được những nỗi mờ đen, thực là ngọc báu trong đời vậy.

Từ khi Phật-lịch hơn 2800 năm (vào đời gia-long), ông Lai-minh-sa (pháp) mới dịch sách Phật-quốc-ký của cụ pháp-hiền (Tàu) đến đời Hàm-phong Tàu (Tự đức) ông Tư-lý-An dịch sách Tây-vực-Ký của cụ Huyền-trang (Tàu) rồi lại nghiên cứu chuyện Từ-âm, gia công cố sức hơn 20 năm. Ông Cung-minh-Hạn (Anh) thu nhất hợp thành bộ sách Địa-dư-lịch-đại Ấn-độ, sau như chuyện Kỳ-quy của cụ Nghĩa-lĩnh, Hồng-ký của cụ Huệ-sinh và cụ Tống-vân, cũng đều dịch cả, mà bộ Phật-quốc-ký lại nhiều người dịch có đến 4, 5 bản, lại có người làm ra chú sớ nữa.

CÁC NHÀ PHẬT HỌC CỤ PHÁCH Ở AU-CHÂU

Bên Âu-châu thực lắm những bậc hiền-tài nghiên-cứu Phật thừa, mở mang Phật học, nhất là sau khi Âu-chiến, thực có cái thế nhất lắng nguyệt-dị, không hề hết được, nay chỉ nói qua mấy nhà cụ phách mà thôi.

1. Ông Mã-mật-Lam (người Đức) chuyên cứu phạm-lạng.

Ông sinh năm 2850 (năm Minh-Mạnh thứ 4) sau khi tốt-nghiệp ở trường Trung-học, ông đi du-lịch thành Lai-bô-tê và thành Bá-lâm, chuyên khảo về khoa phạm-ngữ, sau lại sang học bên thành Ba-lê (pháp, đến ở nhà

Ông Bi-na phu, nghiên-cứu bộ Ly-cau-ni-dà, sau lại sang Anh, sửa lại bộ sách ấy cho hội-dồng ấn-độ xuất-bản nổi tiếng trong học-giới, bỏ làm giáo-thụ trường đại-học Nguru-Tân, khi đương ở chức ấy, xuất-bản sách đông-phương-thánh-thư 499 quyển, học-giả coi như báu-bầu thái-sơn. Bảy giờ ông Ó ai-ba (Đức) cũng vì nghiên-cứu bộ Dạ-t-ú vi-dà, làm trường-giáo ở Bá-lám, cũng nổi tiếng như ông. Ông nhân có một người bạn làm giáo - sĩ gia-ló ở bên Nhật, đưa về tặng ông một quyển văn Thiên-tự bằng tiếng phạm, ông đoán ngay là bên Nhật hẳn có nhiều kinh bằng chữ phạm cổ. năm 2910 (năm Tự-Đức 36) chùa đông-bán-nguyên (Nhật) phái ông Nam-điều-văn-hùng và Lạp-nguyên-nghiên-thọ sang học ông. Ông tiếp hai ông học sinh Nhật, lấy làm tương-dắc lắm, cùng lòng sưu-tập, được bộ sách chữ phạm chép vào lá bối cổ ở chùa Pháp-long (Nhật) và nguyên-văn kinh Kim-cương nữa, ông chép vào bộ dật-thư ở Nguru-tám (Đức).

2. Ông Đại-vệ (người Anh) chuyên cứu Ba-li-tạng.

Ông sinh năm 2870 (năm Thiệu-Trị thứ 3), năm 20 tuổi tốt-nghiệp ở trường rồi, sang chơi bên Saylan, làm việc ở tòa án, tuy là việc không thích cho chí-nguyện của ông, nhưng ông vốn có tâm nghiên-cứu về Phật-giáo Ba-li đã hơn 10 năm rồi, đến năm 2903 (Tự-Đức 29) ông thấy ông Mã xuất bìn bộ đông-phương-thánh-thư, ông về Anh ngay, ông khai giảng về Ba-li-ngữ và văn-học nhà Phật ở trường đại học Luân-đôn, rồi ông kiêm chức thư-thư cho hội Hiệp-á-tê á của Hoàng-gia, nhân thế ông lại càng thâm về học-thuật phương-đông. Ông đặt ra hội Ba-li-thánh-điền rồi xuất-bản một tờ hội-báo, phàm những luận-văn báo cáo về Phật-giáo Âu Á, nhật-đăng không sót, cỡ tám sếp đặt trái 30 năm, Ông lại muốn xuất-bản tam-tạng bằng chữ Ba-li, mà không có tiền, vua nước Siam nghe tin, lấy tiền kho giúp cho, các quan nước Siam cũng gửi tiền sang cúng, vì đó bộ tam-

Ứng Ba-lị đã toàn xuất-hiện ở Âu-châu.

Thành Luân-đôn trước đã có hội Liên-hiệp-phật-giáo, bấy giờ công cử ông làm hội-trưởng. Đến năm 2908 (Tự-Đức 34) ông sang Mỹ giảng về sự Phật-giáo Ấn-độ, ở Cáp-ba-đặc. Năm 2923 (Thành-thái thế 8) ông lại giảng Phật giáo ở Nữu-uớc, nói năng hoạt bát, người Mỹ ngợi khen. Ông tin Phật giáo mà khuyến-hướng về đồng-phương, cho đến cả cách ăn cách ở, ông cũng cố bắt chước cho đúng, như nhưng nhà ông ở, ông họa kiểu lấy, bắt thợ làm thật đúng mẫu nhà Ấn-độ, rồi ông dạy cả người nhà học chữ Ấn-độ, nói chuyện toàn tiếng ba-lị cả, riêng một gia-đình mà có cái phong thú siêu-thế, thực hiếm có thay! Trong học-đường của ông, lúc nào cũng chật lớp, nhất là bọn khước tú thiếu niên, nhiều người quy Phật, lớn ông là Đại-sư, như có Hà-đức và cô Lệ-đại, chính là nữ-trung-anh-kiệt ở Âu-châu, mà đều bởi Phật-học của ông đào-tạo ra vậy. Lại nhất là bà p'u-nhân của ông tên là Đà-la-Lân lại làm Phật-lu trong bạn khước-môn nữa, từ khi kết bạn cùng ông, xướng tui cùng đạo, việc dịch kinh càng ngày càng tiến, đương khi ông dịch kinh Cổ câu-hi-la và kệ Trường-lão cập trường-lão-ni, thì phu-nhân dịch luận pháp-tự và làm một quyển sách gọi là Phật-giáo, nhờ ý hay, rộng sâu gôm đủ, so với sách Nguyên-thủy-phật giáo của ông đều làm tán-lương cho sơ-học đó. Ông già tuổi ngoài 50, diễn giảng tuy không được rành-rẽ hoạt-bát như thừa tnanh-niên, mà lý đào dầy cửa, đều được nên tai, thực được nhờ về đức hiền thực của phu-nhân giúp đỡ vậy.

TÌNH-HÌNH HỌC-PHẬT CỦA NGƯỜI ÂU

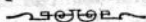
Thành Luân-đôn nước Anh, Lai-bổ-lẽ nước Đức, đều có hội Phật-học, Khoát-mộc-bồ tán nước Thụy-sĩ, thì có viện Phật giáo học hội, (của sư Nhật làm). Còn các nước khác, có nhiều người nghiên-cứu, đặt ra làm sách tuyên truyền không kể xiết được. Lâu nay người

Au hoặc phát-nguyên quy Phật, hoặc thể phát xuất-gia thường thấy luôn luôn, nhưng xét kỹ căn-nguyên, đều chuyên về Tiều-thặng, chỉ cốt tri - giới căn - nghiêm làm chỗ. Ta thường thấy ở bên Diển-diện và Siam có lắm người mắt xanh râu đỏ, dễ trọc đầu mà khát thực ở dân-dan, ấy điều là người Âu cả. Bởi vì hai nước ấy giáo Tiều-thặng rất thịnh hanh, nên người Âu sau khi được độ, đều muốn sang tu ở đó một chốn thương-phụ ở Diển-diện gọi là Ngưỡng-quang, là một uyên lâu hoạt-dộng của phái nam tông, việc nghiên-cứu Phật-học bằng chữ ba-lị rất là tiến bộ kinh sách xuất-bản cũng nhiều, mỗi năm lại có 4 kỳ tạp-chỉ bằng chữ Anh, ấy là lược kể qua đi cảnh trạng người Âu học Phật đó.

Nguyễn-Thượng-Cần dịch thuật

HƯƠNG - HẢI THIÊN - SƯ

(Tiếp theo và hết)



- 18 - Vàng giăng in xuống hàn dùm,
Vết mây lấp lánh trên làn bích-không,
Ấy là tin-tức giao thông,
Ai mà biết đạo thì lòng tự hay.
- 19- Thấy vật-chất mới thấy tâm,
Nếu không vật-chất tâm nhắm vào đâu.
Sắc hình đặc rỗng đầu đầu,
Chân-tâm bao-quát nơi nào mà không.
Vi nhận tri-thức là lòng,
Là đem kiến giải vào vòng đảo điên.
Bồ-đề cây vốn tự-nhiên
Vô-tâm mới lời được bên bồ-đề.

- 20 - Phật ở tâm thì linh,
 Tâm nệ Phật thì mê,
 Phật với tâm đều thanh-tịnh,
 Vắng như tiếng vọng ngoài khe.
- 21 - Tâm động như gió rung cây,
 Tính rông-ruổi bằng gió bay bụi hồng.
 Việc ngày nay trấp ở lòng.
 Là quên mất cả thừa tông-lai xưa.
- 22 - Trống không như khoảng giữa trời,
 Trờ ngăn thì lại như nơi cao-thành,
 Ấy là bản sắc tâm mình,
 Tự mình mình nghĩ lừ mình mình hay.
- 23 - Đạo là những việc ngày dùng,
 Thiền là những lúc trong lòng ta yên,
 Mơ-màng chỉ sự huyền-thiên.
 Chân mây những tưởng xây nên lâu đài.
- 24 - Kia xem sen mọc trong bùn,
 Ngọc lạnh nằm ở trong hòn đá thô.
 Nào phiền, phiền nào quanh co
 Hễ lòng tỉnh-ngộ là bờ đề-tâm

Độc lại câu : « Đạo là những việc ngày dùng, Thiền là những lúc trong lòng ta yên », ở bài kệ trên. Ta thấy Hương-Hải Thiền-Sư thực đã nói-nói được mối chân-truyền chánh-thống của phái Thiền - tông. Xa đỗi với Lục - tổ, gần đỗi với Trần-thái-Tông, cùng chứng một tâm-ấn. Cho nên Lục-tổ nói : « Đạo Phật với thế-gian không xa lia

sự cảm giác của thế-gian », Trần-thái-Tông nói : « Đi đứng nằm ngồi đều là Phật-pháp » mà đây Hương-hải Thiền-sư nói : « Đạo là những việc ngay đùng, Thiền là những lúc trong lòng ta yên » Thực nghìn xưa cùng về một lối vậy. Bởi vậy những lúc đạo Phật xương minh, tức là những lúc Thiền-lòng hưng-thịnh, và là những lúc đạo Phật có bổ ích cho đời, Vi Thiền-tông mới là chính-tông của đạo Phật, và chính là đạo hoán-toán hiền-mật-viên-thông thiết thực với nhân-sinh vậy.

Phái Thiền-tông nước ta đến Hương-hải Thiền-sư thì không thấy có người kế-tự nữa. Đó cũng là vì theo Thiền-tông, tất phải là những bậc tài-hoa rộng lớn, bi-trí gồm đủ, mới có thể theo đòi được. Thế đạo ngày một suy kém, người ta quen thói biếng lười, bèn xô nhau về phái Tịnh-độ, ẩn thân vào cái câu khẩu đầu « niệm Phật siêu sinh » để che cái bệnh đốt, mà đạo Phật càng mờ ám, ngán thay !

Hương-hải Thiền-sư thọ 88 tuổi, ngày 12 tháng 5 năm Ất-vị, sáng sớm tắm sạch, mặc cà-sa, đội mũ, tay cầm tràng hạt, ngồi phu-giá mà hóa. Đệ-tử của Ngài, những bậc thượng-tọa Hòa-thượng dựng hai ngôi am và xây tòa bảo-tháp ba tầng để thờ Ngài. Tông-phong của Ngài còn thịnh-hành được mấy đời về sau, Chùa Nguyệt-dương thành một nơi Thiền-lâm lớn nhất và có danh nhất ở trong nước thừa ấy.

Chùa Nguyệt-dương nay gọi là chùa Xích-

đăng, ở tổng An-lão, huyện Kim-dộng, phủ Khoái-châu, Hưng-yên, xưa thuộc Sơn-nam tức là ở Hiên-nam, tục gọi Phổ Hiên. Đến khoảng năm 1525. Cống-Chinh kéo quân vào phá chùa, vì vậy dân làng phải di chùa vào gần làng tức là chùa Xích-dăng bây giờ, thế-thế nhỏ hẹp kém chính chùa Nguyệt-dương của tự Hương-hải Thiền-sư lập nên hồi ấy. Nay trong chùa vẫn thờ tượng của Hương-hải Thiền-sư.

NGUYỄN-TRỌNG THUẬT

CHUYỆN LẠ Ở ẤN - ĐỘ

Một người đàn bà chết rồi nhập hồn
vào một đứa bé con

Một ban gồm có những vị thầy thuốc và các nhà bác-học vừa họp ở Delhi (Ấn-độ) để xem xét một việc khác thường mới xảy ra. Việc khác thường ấy là một cô con gái lên 9 tuổi tên là Shanti Devi, đã sáu năm nay vẫn kể chuyện lại cho cha mẹ nghe kiếp đời trước của mình. Để và sống ở Delhi, nàng thường thường vẫn nghĩ ý muốn đến Muttra, theo lời nàng đề thăm người chồng của nàng làm nghề bán các áo may sẵn. Nàng hẳn ní mãi đến nỗi cha mẹ nàng sau phải đề ý đến và xem xét thì thấy rằng những lời nàng nói đều đúng cả.

Họ hàng người mà nàng nhận là chồng đến Delhi: nàng mới trông đã nhận được ngay. Người mà nàng nhận là chồng cũng lẳng lặng đến. Khi người ấy vừa vào nhà, Shanti Devi ôm chầm lấy rồi vừa khóc vừa nói: « Chồng tôi đã đến để mang tôi về. Nàng nhận được cô con trai mà nàng nói là nàng đã đẻ trong kiếp trước của nàng.

Shanti Devi lại (đã nói nhiều điều nữa về kiếp trước và cũng đều đúng cả. Kiếp trước, nàng đẻ năm 1922 và tên gọi là Ludgi. Còn nàng đẻ năm 1925 và nàng chết ngày 24 tháng mười 1925, ở Agra.

Tin này lan ra làm dân khắp vùng Delhi đều lấy làm lạ. Rồi người ta muốn thí nghiệm một lần nữa, nên liền đưa Shanti Devi đến Matra. Nàng nhận ngay được nhà chồng nàng ở bên nhà ga.

Người ta để Shanti Devi lên một chiếc xe và lấy vài hột mắt nàng lại. Nàng chỉ đúng các đường lối và gọi tên được các nhà đi qua. Sau cùng, nàng dừng xe lại rồi nói : « Đây là nhà tôi ». Một ông già lúc ấy ở trong nhà đi ra, nàng bỏ vài che mắt rồi nói : « đây là bố chồng tôi ».

Shanti Devi hình vóc không giống Ludgi, nhưng giọng nói, tính tình, giọng điệu thì giống Ludgi như hệt. Vì vậy, người chồng tin rằng Shanti Devi chính là Ludgi và muốn mang về nhà. Sự buồn cười là như thế thì mẹ chỉ có 9 tuổi mà con gái lại 41. Người chồng hiện đang đợi cuộc xét nghiệm của ban hội đồng khoa học, nhưng ý chàng thì cho rằng hồn người trước nhập vào Shanti Devi.

P. H thuật

VÔ - THƯỢNG - CHÍNH - GIÁC

Bài diễn thuyết của Tổng-Khê Phạm-Tài Luyện
đọc tại chùa Quán-Sứ.

Nam-Mô A-Di-Đà-Phật

Thưa các Cụ

Thưa các Giáo-Hữu

Ngày nay nói đến Phật-Giáo, về phần người chưa lưu tâm nghiên-cứu đạo Phật, hoặc cho đạo Phật là đạo hư vô tịch - diệt, không thiết gì đến sự đời, hồ giống đạo Lão, đạo Trang ; hoặc cho đạo Phật làm cho con người ta nhu-nhược đi, bớt mất nhuệ-khi để phấn-đấu trên con

đường đời ; hoặc cho đạo Phật cũng là một đạo dị-doan, vì thường thấy có một đôi cảnh chùa có thờ lẫn cả chư vị vào đấy để lên đồng cầu bóng. Đã chưa nghiên-cứu về tinh-thần, chỉ bằng chứng ở nơi bình-hức, lại có linh bay a dua với đời, cứ thấy người nói làm sao thì bảo-hạo làm vậy. Thì có khác gì như người đến xem một tòa nhà Bảo-Tàng kia, mà chỉ ngắm qua ngoài cửa, chưa chịu bước chân vào trong nhà để quan-sát kỹ-càng. Vậy ta thử hỏi trong nhà ấy có những vật gì, cổ-quái như thế nào, ngoạn-hảo như thế nào, có mỹ-thuật gì đáng làm cho ta chú ý không ? thì chắc người ấy phải đáp rằng : « không biết ». Cho nên đối với người chưa để ý đến đạo Phật mà cầu được có những nhờ linh phẩm đạo Phật cho xác đáng, lẽ tất nhiên là không được rồi. Còn những người tuy đã có lòng tin-ngưỡng đạo Phật nhưng phần nhiều lại hiểu một cách sai-uầm, lòng tin-ngưỡng chuyển thành lòng mê-tín. Có kẻ cho Phật cũng như các bậc quỷ-thần khác thường hưởng lễ cúng của nhân-gian mà ban lộc giáng phúc ; có kẻ cho cửa Phật cũng như các cửa đền từ khác cũng có bùa thiêng thuốc lạ trừ được tà mà trị được bệnh ; họa may có một số người hiểu hơn một chút thì cũng chỉ hiểu đạo Phật là một đạo từ-bi đấng thôi. Như thế cũng đều là chưa thấu hiểu đạo Phật cả. Đạo Phật là đạo rất cao siêu mầu-nhiệm, đức Phật Tỳ-Như-Lai ta khi ngài chứng quả Bồ-đề-tát ngài phát-nguyện rằng : « Ta phải tìm lấy đạo A-Đức-đa-la tam-diệu tam bồ-đề » chữ tam dịch là (Vô-thượng bình chính-giác) cũng có khi dịch tắt là (vô thượng chính giác) cho gọn câu, nghĩa là một bậc biết rất hoàn toàn chính đáng, không còn bậc biết nào cao hơn nữa. Nhận kỹ nghĩa này thì mới hầu mong thấu hiểu đạo Phật một đôi chút, nên tôi mới lấy làm vấn đề nói chuyện lâu các ngài đây.

Trong bài này chia ra các đoạn như sau này :

ĐOẠN THỨ NHẤT NÓI VỀ CHỮ « GIÁC »

Giác là gì ? Giác là biết hay là dạy cho biết. Biết có ukiền

thứ : một là những cái gì ở ngoài cảm xúc vào não chất khiến cho ta biết như là mắt trông biết sắc đẹp, tai nghe biết tiếng hay, mũi ngửi biết hương thơm, miệng nếm biết mùi ngon. Những sự biết ấy gọi là cảm giác hay là tri giác. Hai là trong tâm ta nghĩ được một ý nghĩa gì thì sự biết ấy do tâm tìm ra gọi là giác ngộ. Chữ « giác » mà tôi nói đây thuộc về phần « giác ngộ ». Chữ « ngộ 悟 » thì chữ « tâm 心 » đứng bên chữ (ngộ 悟) là ta, lấy ý mà suy thì chữ này có nghĩa là tâm ta. Vậy giác ngộ chính là nói sự biết bởi tâm ta tìm ra, làm cho giác tính hay Phật tính ngày một rõ rệt.

ĐOẠN THỨ HAI NÓI VỀ GIÁC TÍNH HAY PHẬT TÍNH

Chữ (tính 性) thì chữ (tâm 心) đứng bên chữ (sinh 生) vậy phạm những cái bởi tâm sinh ra tức là tính ; tâm chứa sẵn mỗi giác, tức là giác tính. Mà giác là một danh từ để định nghĩa chữ « Phật » nên lại còn gọi là Phật tính. Giác gốc bởi tâm, tâm gây nên giác, cho nên thường nói : « Phật tức tâm, tâm tức Phật ».

Câu Phật lọ phải đầu xa,

Ta về ta cứ tâm ta mà cầu.

Giác tính hay Phật tính là gì ? là cái tính tự nhiên biết thương, biết yêu, biết kính phục những điều đáng biết bởi tâm khám mà ra. Chẳng những Phật có tính ấy, dầu chúng sinh cũng đều có tính ấy cả. Ngày trước có một toán giặc đi đến đầu là sát hại đến đấy. Một hôm đi đến một chỗ gặp một người đang hái quả đầu dựng vào một cái rổ chia làm hai phần, một phần chín, một phần xanh.

Giặc hỏi : « Sao lại chia riêng ra như thế ? »

Người ấy đáp rằng : « Dân này lấy về để ăn trừ bữa, trong khi kém đói này những quả chín để riêng phần mẹ già, còn những quả xanh phần tôi ».

Giặc có lòng cảm động bảo nhau rằng : « Ở đây có người biểu hạnh như thế này thì chắc cả vùng này cũng có

nhiều người khác, ta không nên ở đây quấy nhiễu lương dân nữa. »

Vì thế thường có câu nói : « Đạo tặc diệt bửu lương tâm » nghĩa là trộm giặc cũng có lương tâm. Lương tâm ấy tức là Phật tính.

Sách Mạnh Tử chép rằng : « Vua Tề tuyên Vương ngồi trên nhà thấy người dắt con trâu đi qua dưới nhà, vua hỏi dắt trâu đi đâu ? Người ấy thưa rằng : « Sẽ đem giết lấy mỡ bôi chuông. » Vua tuyên rằng : « Lấy con dê thay cho con trâu, lòng ta biết hẳn trông thấy nó, hóc tốc mà phải tới chốn chết. » Lòng bất nhẫn ấy tức là Phật tính.

Lại một đoạn nữa chép rằng : « Bất kỳ ai trông thấy đứa trẻ con sắp lặn xuống giếng tất phải có lòng duật dịch nghĩa là lòng xót thương. Lòng duật dịch ấy tức là Phật tính. Trong kinh Phật nói : « 眾生皆有佛性, nghĩa là chúng - sinh đều có Phật tính ». Câu ấy chẳng những là một câu xác đáng để so sánh chúng-sinh với Phật, mà chính lại là một câu đề bảo cho chúng-sinh đã sẵn có Phật tính cũng nên làm cho Phật tính ấy ngày một rạng ra. Kinh Pháp Hoa có câu rằng : « 佛爲一大事因緣出現於世爲, 令世間一切衆生, 開示悟入佛之知見. » nghĩa là : Phật vì một việc nhân duyên lớn xuất hiện ra đời, muốn mở bảo cho hết thầy chúng-sinh thế gian biết tới được chỗ thấy biết của Phật » Đọc câu này lại càng hiểu rõ giáo pháp của Phật là thân diệu. Vậy ta nên tìm đến cái đặc-điểm của giác tính Phật.

ĐOẠN THỨ BA NÓI VỀ ĐẶC - ĐIỂM CỦA GIÁC TÍNH PHẬT

Chúng-sinh tuy cũng có giác tính, nhưng chúng-sinh vẫn còn có tính ngã-chấp, vẫn còn lặn quẩn trong vòng ta với không phải ta, nên cái tính biết vẫn còn bó-buộc. Ngoài sự mắt thấy tai nghe, không còn biết cái gì nữa cả. Đến nỗi cái thân quan-hệ mật-thiết với ta lắm mà không

sự biết cái thân ấy làm sao mà có, làm sao mà sống, làm sao mà già, làm sao mà chết. Những chỗ không biết còn nhiều kể sao cho xiết. Vì vậy nên tính biết của chúng-sinh vẫn lơ-lơ, mà vẫn u-âm không khác gì người lòa, trông cái gì cũng đều không rõ cả. Cái thân kia thường thường thay đổi mà chúng-sinh vẫn cho là cái thân của ta, khi muốn nó mạnh mà nó vẫn đau, khi muốn nó sống mà nó cứ chết, rõ là không chủ-trưng được một tí nào cả, mà cứ vẫn ngộ-nhận là của ta.

Một cảnh giới rõ ràng do tâm mình tạo ra bởi cái ánh sáng tự con mắt vào có sắc này sắc khác, cho đến cái không-khi rung động lỗ tai, thành ra tiếng nọ tiếng kia, mà cũng không biết, lại cứ cho cái sắc cái tiếng đó là ngoài-cảnh. Vì còn cứ không biết như vậy, nên tính biết cứ bó-buộc vào một cái thân, quần quanh vào một cái nghiệp, gây nhân chúng-sinh, rồi chịu quả chúng-sinh đời đời kiếp kiếp không sao siêu thoát ra được.

Duy Phật thì khác hẳn, tính chân như lúc nào cũng sáng láng, thân biết vì sao mà có, sống biết vì sao mà sống, chết biết vì sao mà chết, khổ biết vì sao mà khổ, vui biết vì sao mà vui, biết khắp cả không-gian và thời-gian, một tính biết bao trùm cả vũ trụ, cái gì cũng biết tốt nguồn tốt gốc, không một cái gì ra ngoài phạm vi tính biết, cái tính biết như vậy thật hoàn-toàn, thật chắc chắn, thật biết rõ cả cái không biết của chúng-sinh và thật có thể dạy những phương-pháp hay để trừ bỏ cái không biết ấy đi, thật là sự biết chánh đáng và quảng-đại mà là sự biết tuyệt-đối tức là vô-thượng chính-giác vậy.

Nhân tiện đây tôi mượn một chuyện sẵn có nói về đạo Phật để thêm vui câu chuyện chúng-sinh với Phật : « Mấy « anh mù kéo nhau đến quan-sát con voi, quan-sát bằng « tay, bịch phăm bịch miệng. Anh sờ cái vòi, nói con voi « như con đĩa ; anh sờ cái tai, nói con voi như cái quạt « thóc ; anh sờ cái chân, nói con voi như cái cột ; anh sờ

« cái đuôi, nói con voi như cái chổi sể, mỗi anh nói một
« phách, chẳng anh nào giống anh nào cả, mà anh nào
« cũng tự đắc là mình quan-sát tường-tận.

« Lúc bấy giờ có một người sáng mắt đứng đấy nghe các
« anh kia nói, bật cười mà bảo rằng : « Các anh ơi ! chỉ
« biết một bộ-phận con voi đấy thôi. Này :

« Con vòi con voi,

« Cái vòi đi trước,

« Hai chân trước đi trước,

« Hai chân sau đi sau,

« Cái đầu có hai tai,

« Cái đuôi đi sau rồi.

« Bấy giờ mấy anh mù kia mới tỉnh-ngộ mà đồng-thanh
« nói rằng : « Thế thì sự biết của chúng tôi còn sai nhảm
« còn hẹp hòi nhiều lắm. »

Đó là lấy con voi ví với toàn-thể vũ-trụ, những anh mù
ví với chúng-sinh, người sáng ví với Phật. Anh mù dù hết
sức quan-sát cũng chỉ biết được một bộ phận con voi, người
sáng mắt trông mới biết được toàn-thể. Chúng-sinh dù có
bậc thông-minh xuất-chúng, phát-minh ra được tuyệt nọ
thuyết kia nhưng vẫn còn mê-chấp thì cũng chỉ biết được
một bộ-phận trong vũ-trụ thôi, nên còn nhiều điều đáng
biết mà không biết, còn lăn-quấn trong bến mê. Phật thì
bước lên tới bờ giác, đưa mắt tuệ liếc trông thấy cả
toàn-thể vũ-trụ, sự biết của Phật trên hết cả các bậc biết
vậy.

Ta đã công-nhận đạo Phật là bậc vô-thượng chính-giác
thì ta cũng nên tìm thấy cái nguyên nhân khi ngài cầu
đạo chính-giác như thế nào.

ĐẠO THỨ TƯ NÓI VỀ NGUYÊN NHÂN CẦU ĐẠO CHÍNH GIÁC CỦA PHẬT

Đức Phật tổ Như-lai ta dù ngài sinh trưởng vào nơi
qui-tộc, lúc sinh có nhiều điềm lạ, có hào quang chói lọi, có

ba mươi hai tướng khác thường, nhưng lúc ngài chưa chứng quả Bồ-đề thì cũng cùng với chúng-sinh cùng ở chung trong cõi sa-hà trong hoai-cảnh ác-trọc, thế mà sao ngài tìm ra được đạo vô-thượng chính-giác này ? Vì ngài sẵn có lòng thương đời, chỉ kháng kháng một niềm tìm đạo cứu khổ cho đời, nên giác quả mới được viên-mãn.

Nay ta xét xem, về phần đời, ở trong gia-đình ngài đã có thế tử mà đứng phụ-vương lại tìm mọi cách khoái lạc để ngài đầu lòng quyến luyến gia-đình ; ở trong đất nước ngài là thái-tử sẽ được nối ngôi tôn-quí. Thế mà ngài đều dứt bỏ hết cả, quyết chí tu-hành. Nào là vào rừng Bạt-già-Ba tìm các thầy tu theo đạo Bà-la-môn là đạo cũ của nước Ấn-độ, tu-hành một cách rất khồ-hạnh để hoàn-nguyên bảo-tính chác-tịnh mà sinh lên cõi trời. Nào là tìm đến chỗ ông tiên A-la-ra mà hỏi về phép đoạn trừ sinh, lão bệnh, tử. Nào là qua sông Hằng Hà để phồng-vấn vị đại-đạo sư Ưu-đà-la về chỗ giải-thoát.

Những đạo mà ngài tìm hỏi trên là những đạo thịnh-hành ở Ấn-độ về đời bấy giờ. Đạo nào cũng đông người tin theo, thế mà ngài đã chịu tin theo ngay đâu. Ngài còn cần nhắc kỹ càng, ngài cho rằng tu như đạo Bà-la-môn thì còn là tu vị kỹ mà vẫn chưa giải-thoát được sự khổ cho đời ; theo như thuyết của ông tiên A-la-ra chỉ nói về số-luận và bản-tính biến-hóa thì chưa phải là đạo cứu-cánh; tu như phép Ưu-đà-la là phép tu đời cõi phi tưởng, phi phi tưởng » thì hưởng hết phúc báo lại phải luân-hồi, cũng vẫn chưa là đạo cứu-cánh, cũng chỉ là những lối tu vị-kỹ cả mà thôi. Ngài mang một chủ-nghĩa cứu-thế, mong đạt được mục-đích cứu thế, trong tâm lúc nào cũng niệm nghĩ đến sự cứu-thế. Quả yêu đời rồi bề giống như chán đời, chẳng ham chuộng những sự phú-quí tôn-vinh trong ảo mộng. Vì đời mà tìm đạo cứu đời, chẳng a dua cùng đời mà thấy đạo nào là tu theo ngay đạo ấy. Lúc bấy giờ ngài đã chứng quả Bồ-tát, những hạnh tu Lục độ của bồ-tát như bố thí, trì

giới, nhân nhục, tinh tiến, trí tuệ và nhất là thuyền định ngài đều tu hành viên mãn cả. Ngày 49 ngày ngài ngồi thuyền định ở dưới gốc cây Bồ Đề chứng ngộ ra được đạo vô thượng chính giác này.

Ta đã biết cái đạo mà đức Phật Tò Như lai chứng được là vô thượng chính giác thì ta cũng nên tìm thấy cái cốt yếu của đạo ấy.

(còn nữa)

ĐỒNG - NỮ - LA - HÂN

(Lược dịch trong kinh Trang-a-Hàm quyển 7)

(Tiếp theo số 43)

-- Ở trong thôn tôi ở đây, có người làm giặc, sau họ rình mãi bắt được đem đến để nhờ tôi trừng trị cho. Tôi sai trói lại rồi bỏ vào một cái chỗ rất sâu kín, rồi sai người đứng vây tất cả chung quanh, rồi sai đem lửa đốt nấu hấy giờ tôi ngó xem cái tinh-thần của người ấy nó ra chỗ nào, tôi lại cho tất cả các quân hầu hạ vây cả chung-quanh mà xem cho kỹ lưỡng. Thế mà cũng không một ai trông thấy tinh thần đi lại chỗ nào cả, sau tôi lại mở chỗ ra xem thì cũng chẳng thấy linh-thần đâu cả, vì lẽ đó mà tôi chắc rằng: không làm gì có đời sau, có quả báo luân hồi khác nữa.

Nay, tùy ý người sẽ đáp lại câu hỏi của ta, nhưng giữ lòng chân thật mới được.

--Như lúc người nằm ngủ ở trên một cái lều cao, người chiêm bao thấy những rừng núi sông, ngôi, vườn được nhà cửa, ao chuôm, hiện tượng người có thấy dù có không ?

-- Tôi có chiêm-bao trông thấy đủ cả.

— Đương lúc chiêm bao kia, quyền thuộc nhà người có hầu hạ bên người không ?

— Thưa có.

— Vậy thời quyền thuộc nhà người có trông thấy thần thừc của người nó ra vào không ?

— Không.

— Đấy người thử đề ý xét xem hiện nay người còn sống mà thần thừc của người ra vào thế nào còn không biết, huống chi là lúc đã chết đi. Vậy người chớ nên lấy những việc trước mắt mà quan sát nữa, việc của chúng-sinh. Nay người nên biết như có một tỉ-khiêu rất tinh-tiến, lấy sức tam muội tu cho kỹ được pháp thiên nhỡn. Khi đắc pháp rồi, dùng con mắt ấy mà xem xét những sự hành vi nghiệp báo của chúng sinh, không sai chút nào, nay người định dùng hai con mắt thịt, lấy cái thiên kiêu mà chấp có chấp không, chẳng những tự mình lạc bước, lại làm hại cho kẻ khác nữa.

— Tuy ngài nói như thế, nhưng chỗ sở kiến của tôi thì xét cũng vẫn là không có gì cả.

— Thế người lại còn có nhân duyên gì nữa biết chắc là không có đời khác nữa không ?

— Có chứ. Trong thôn chỗ tôi ở có người làm giặc sau có người rình bắt được đem đến để nhờ tôi trị phạt, tôi mới sai người trôi lại rồi lột sống gia để tìm xem thần thừc nó ở đâu, thì không thấy gì cả ; tôi lại sai cắt thịt nó ra tìm cũng không thấy, cho đến cắt gân, cắt mạch máu, cắt cả xương tủy ra tìm cũng không thấy ; vì lẽ đó mà tôi biết chắc là không có đời khác nữa.

— Nay, ta lại dẫn một cái thí dụ nữa cho người nghe.

— Vâng, ngài muốn nói thế nào nhưng tôi vẫn phân tâm lắm.

— Cách đây đã vô lượng ức kiếp trở về trước có một nước bị tàn phá, hỡi còn tan hoang chưa bình phục, bấy

giờ có một bọn 500 người khách buôn, đi qua đó, thấy một người phạm chí thờ phụng thần lửa, thường ở trong một khu rừng, thì bọn họ vào trọ, đến sáng ngày mai lại từ biệt đi hết cả. Khi đi cả rồi thì người phạm chí nghĩ rằng, ta thử xét chỗ các người buôn kia xem có còn sót gì không ? đến tìm mãi không thấy qua một vật gì cả, mãi sau thấy một đũa bé chừng lên một lên hai ngón một mình đấy, người phạm chí nghĩ rằng, nay ta nữ lòng nào mà 'a lại để đũa bé chết ở đây cho đành. Ấu là ta đưa về chỗ ta ở ta nuôi xem nó có sống không ? liền lại ôm lấy đũa bé ấy đem về nuôi vậy nó lớn lên đã hơn 10 tuổi, bấy giờ người kia có chút việc phải đi chơi, mới giỡn đũa bé con kia rằng : Tao có chút việc phải đi vắng này một chốc, con ở nhà coi giữ ngọn lửa này cẩn thận chớ để tắt nhé, nếu nó có tắt thì giùi cây này mà lấy lửa đốt vào, người kia giỡn giỡn xong rồi bước chân ra đi, thì ở nhà thằng bé mãi nó không chăm nom đến lửa, thành ra lửa tắt. Lúc đi chơi về thấy lửa tắt rồi, thằng bé sợ hãi, kêu lên rằng : Thôi chết rồi ! ta thật là có lỗi to lắm rồi. Lúc cha ta đi giỡn ta cẩn thận chớ để lửa tắt, tại ta ham chơi quá mà để đến nỗi này, vậy biết làm thế nào bây giờ ! Bấy giờ thằng bé vội vàng xuống đồng giòi tìm lửa, thối mãi không được, bèn lấy búa b捣 củi để tìm lửa cũng không được, lại chặt củi ra bỏ vào cối giã ra để tìm lửa cũng không được. Nó đương hí hoáy làm, thì người phạm chí về hỏi rằng : trước ta giỡn mày coi giữ lửa, vậy có khối để tắt lửa không ? Con vừa đi chơi về thì thấy lửa tắt.

-- Vậy mày làm thế nào mà lấy được lửa. -- Lửa ở cây mà ra, nên con b捣 cây ra để lấy lửa nhưng không được ; sau con lại chặt nhỏ ra bỏ vào cối giã để tìm lửa nhưng cũng không được. Bấy giờ người phạm chí lấy giùi giùi cây lấy lửa rồi xếp củi đốt, bảo với đũa bé kia rằng : này phép lấy lửa phải như thế đấy, chứ làm như mày thì không bao giờ được. Tệ-Tứ * ! người cũng như thế đấy. Nay Tệ-tứ, các vị ti khiến siêng năng chẳng dờn sớm tối, dốc lòng về đạo, lấy phép tam-muội mà tu chừng, được thiên

nhỏ, có thể xem xét hết thấy các việc sinh tử tốt xấu
ngắn, dài, tùy nghiệp báo vào nơi lành dữ, chứ người đờng
nên lấy con mắt thật như bản ấy, đòi xem xét được những
chỗ sinh tử của chúng-sinh, mà giám nói là không có đời
sau.

-- Cứ như ý tôi, tôi vẫn cho là không có.

-- Người lấy nhân duyên gì mà người cố cãi là không ?

-- Trong thôn tôi ở có một kẻ làm giặc, có người bắt được
đem lại nhờ tôi trị phạt, tôi cho đem bỏ người ấy lên cân,
cân xem được bao nhiêu, xong tôi lại sai người đem giết
nó đi, nhưng chớ để tổn hại một tí gia vật nào mới được.

Lúc giết rồi tôi lại bắt bỏ lên cân, thì nó vẫn nặng hơn
trước, đáng lẽ khi thần thức nó còn, nhan sắc tươi tỉnh,
nói năng được thì nó nặng hơn lúc chết rồi mới phải, thế
mà lúc nó chết đi, thần thức đã ra ngoài, không còn cá
nhân sắc, không nói năng gì, thế sao lại nặng hơn là lẽ gì ?
Vì thế mà tôi không tin là có đời sau nữa.

-- Nay ta lại hỏi người cho tùy ý người đáp.

-- Tha hồ cho ngài hỏi, tôi xin nói.

-- Như có một miếng sắt nguội đem bỏ lên cân, sau lại
đem nung đỏ lên, thì nó có sắc sáng và mềm mà cân lại
nặng, thế tại sao lúc nguội nó không có sắc gì cả, thì nó
cứng rắn mà lại nặng ?

-- Vì lúc nóng nó có sắc và mềm cho nên nhẹ, lúc
nguội khô g có sắc và cứng cho nên nặng.

-- Ấy người ta cũng thế đấy, lúc sống có nhan sắc dịu
dàng thì nhẹ, mà khi chết đi không có sắc nên cứng đờ
ra thì nặng ; lấy lý ấy mà suy xét thì biết tất là có đời
sau.

-- Tuy ngài dẫn dụ như thế nhưng tôi vẫn không lấy gì
làm tin được.

-- Người còn vin vào duyên có gì nữa mà nói là không
còn có đời sau ?

— Có một hôm tôi bảo những người thân thuộc họ hàng tôi, nâng một người ốm lên để cho họ nằm nghiêng vai bên hữu xuống chiếu, nom họ vẫn co giuỗi nói năng như thường, tôi lại nâng họ lên đặt nằm về bên tả, thì họ cũng giữ mình co giuỗi và nói năng như thường, đến lúc họ tắt nghỉ, tôi lại sai người lật lên xem xét hai bên, thì không còn thấy vận động nói năng như trước, xem như thế thì đủ biết là không có đời khác nữa.

— Nay, thí dụ như ngày trước có một nước không biết tiếng tù-và là gì cả, bấy giờ có một người thối tù-và rất tài, đi vào nước ấy. đến một thôn nọ, cầm tù-và thổi ba tiếng, rồi để xuống đất. Các người trong thôn đó nghe thấy tiếng kinh động ấy, cùng nhau xúm lại hỏi rằng : Cái tiếng gì nó bi ai, mà lại hòa nhã trong suốt như thế ? người kia chỉ xuống cái tù và nói, ấy đây tiếng nó đấy. Các người kia đều đến lấy gậy đập vào cái tù-và bảo sao mày không kêu đi, mãi cái tù-và cũng không kêu, bấy giờ người thối tù-và lại cầm lấy thổi liền ba tiếng nữa rồi để xuống chỗ cũ, những người kia nghe xong nói : À ra cái tiếng hay ấy không phải ở sức tù-và, phải có tay có miệng có hơi thổi vào mới kêu, ấy thế đấy, người ta phải có sống, có thần-hức, có hơi thổi ra vào, thì mới vận động được.

Nếu đã không có thần-thức, và hơi thổi ra vào thì cũng hết nghề vận-động.

Sa-môn TRÍ-HẢI

(còn nữa)

KINH TRÌNH CÁC VỊ CỐ ĐẠO TÂM

ĐỌC BÁO ĐUỐC-TUỆ

Theo lệ nhà báo, và cho được tiện việc sớ sách, vậy từ nay các nhà đạo tâm mua báo, xin cho trả tiền trước, hoặc gửi trả bằng tem, hoặc bằng Mandat.

B. T.

KHÁNH THÀNH CHI HỘI PHẬT-GIÁO SÙNG - NGHIÊM (Sơn Tây)

Ngày 11 tháng 8 Annam vừa rồi, chi hội Phật - Giáo Sùng-nghiêm đã làm lễ thành lập, chùa làng Sùng-nghiêm tục gọi chùa Mía, của bà chúa Mía làm từ đời Lê, vốn là một nơi tham Phật hành hương cho cả nhân dân thiện tín bốn làng đồng Mía. Từ khi có phong trào chấn hưng Phật Giáo, lòng mộ đạo của nhân dân vùng ấy càng thêm sốt sắng, lại được cụ phủ Cát văn Tấn, phó đại biểu chi hội Phật Giáo tỉnh Sơn tây, là một ông hưu quan trong đồng đường ra đóng dĩa, người vào hội rất đông, nay đã được hội Trung ương chuẩn hứa thành lập làm một chi hội, Hôm khánh thành, chính giờ sáng, cụ Thượng Nguyễn Văn Bản cùng mấy vị hội viên hội Trung ương thay mặt cụ lớn Chánh Hội Trưởng về chức nhận chi hội thành lập, từ Hanoi đi ô-tô tới chùa Sùng Nghiêm, vừa lúc ấy quan Chánh Sự, quan Tuần Phủ tỉnh Sơn tây cùng mấy quan Phủ huyện bản hạt, nhận lời mời dự lễ, cũng tới đông đủ cả. Quan phủ Cát đứng lên thay mặt dân đồng Mía đọc bài chúc từ, kể đến ông Chánh đại biểu chi hội ấy nói mấy lời khai mạc rồi đến Cụ Như Tùng trụ trì chùa Thầy, chánh đại biểu tăng ở chi hội hạt Giáo tỉnh Sơn tây diễn thuyết về Giáo Lý Đạo Phật, cụ lớn Tuần cũng nói mấy lời mừng hội Phật Giáo và khuyên nhân dân tín sùng đạo Phật cho bền dề dân phong một ngày một thêm thuần mỹ, dân đức một ngày một thêm tấn tới hơn.

Lễ xong cả quan Công-sứ, quan Tuần phủ cùng các quan khách đều ngồi lại thụ trai, chuyện trò vui vẻ, đến một giờ chiều mới giải tán.

CUỘC GIẢNG DIỄN Ở CHÙA NHỊ-MỄ (Hưng Yên)

Ngày 16 tháng 8 Annam vừa rồi, theo lời thỉnh cầu của ban đại-lý chi hội Phật-Giáo Yên-mỹ; hội Trung-ương có cử cụ Dương-bá-Trạc về giảng diễn Đạo Phật ở chùa Nhị-mễ. Nhân dân vùng ấy đến nghe giảng rất đông.

Số tiền hội-viên chi hội Phật-Giáo tỉnh-Lỵ Bắc-ninh
quyền để giúp dân bị lụt, đã đệ nộp Tòa-Sứ Bắc-ninh

HỌ VÀ TÊN	PHỐ	Số nhà	Số tiền
Phạm thị Diệm		61	2,00
Chà thị Nham	Phố gạo		2,00
Lê thị Nghiêm		68	1,0
Cu Hai Phái	Phố Đổ xá		3,00
Bà Phan Đễ	Đổ xá		4,00
Thịnh trọng Phúc		113	0,50
Nguyễn bá Thông		114	1,00
Lê ngọc Thiều		58	0,50
Nguyễn như Hội		433	1,00
Đỗ văn Hai		36	4,00
Nguyễn văn Hình			0,50
Phạm gia Ban			1,00
Phạm văn Năm			0,60
Nguyễn thị Thảo			0,50
Nguyễn thị Chứ			0,50
Nguyễn văn Tý			1,00
Sư cụ chùa Niêm xá			3,00
Sư già Đàm Thăng			
Đàm đế, Đàm Thu			4,50
Thạch quang Tiến	Ninh xá	106	3,00
Nguyễn trạc Yên	Tiền an	229	3,00
Trần huy Hán	Niêm xá		2,00
Am văn Tác	Ninh xá	75	3,00
Đặng ngọc Cầu	Niêm thăng		1,00
Trần quang Bình	Phố Vệ an		2,00
Nguyễn bá Huệ	Yên mả		2,00
Nguyễn thế Uông	đường đồ sơn		2,00
Nguyễn tam Tĩnh	Ninh xá	77	4,00
Phạm xuân Giám	Niêm thăng		2,00
Bích Kỳ	Tiền an	455	2,00
Phạm đức Thăng	Niêm thăng		2,00
			46,60

(còn nữa)

Hộp Tho.

Đã nhận được Mandat của các vị trả tiền báo sau này :

M. M. Nguyễn-duy-Thiêu, Thái-bình Mandat 1\$00
Cụ Quân-Hiến Trục-ninh N. Đ. — 1\$00
Nguyễn-lất-Quý giáo học Trục-ninh N. Đ. — 1\$00
Phạm-xuân-Tiên giáo học Mỹ-lộc N. Đ. — 1\$00
Phan-văn-Diễm giáo học Quy-đê N. Đ. — 1\$00

· Trả lời ông Ái-Hoa Đổ-đình-Hoạt, Haidương, -- Bàì
Diễn-âm không hợp với tôn chỉ đạo Phật, vậy xin miễn
đăng.

Cùng ông Lê - đình - Hoa, đạo huynh pháp - danh Minh-
Đặng ở Vinh-long. — Đã nhận được bài lai cáo và chiếc
Mandat 3\$00 trả tiền báo của các vị quý họ :

M. M. Cò Hai-Tiền, 0\$50 — Cư sĩ An, 0\$50,
Nguyễn-thành-Thông, 1\$00 — Cư sĩ An, 1\$00.

Xin trân trọng cảm ơn ông Cồn kinh lược, bản
báo cũng đã theo ý ông mà gửi rồi.

TIN LÀNG BÁO

Chúng tôi xin giới thiệu : « Bê - đê - tạp - chí »

cơ quan của hội Phật-học-tương-tế.

Do ngài Hòa thượng Lê-phước-Chi làm chủ nhiệm.

Xuất bản mỗi tháng một kỳ.

Giá tạp-chí; Một năm 2\$00, sáu tháng 1.10, mỗi quyển 0.20.

Thơ và bài vở xin gửi cho chủ nhiệm

Hòa thượng Lê-phước-Chi

Mandat mua Bê-đê-tạp-chí xin gửi cho

Quản-lý Trần-phong-Ngân

Tòa-soạn và ty Quản-lý tại chùa Thiên-Phước

Quận Kế-Sách, Tỉnh Sóc-trang. — Nam Kỳ.

Xin chúc mừng bạn đồng nghiệp mới ra đời.

Imp. ĐUỐC-TUỆ

Quản-lý CUNG-ĐÌNH-BÍNH